

# KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH VÀ NHU CẦU TIẾP CẬN THÔNG TIN PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS Ở HỌC SINH PHỔ THÔNG TRUNG HỌC HUYỆN CHÂU THÀNH, BẾN TRE NĂM 2010

NGÔ VĂN TÁN - *Sở Y tế tỉnh Bến Tre*

NGUYỄN TRUNG DŨNG - *Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh Bến Tre*

LÊ VĂN THỊNH - *Trung tâm y tế huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre*

## TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng thiết kế mô tả cắt ngang trên 385 học sinh tại 3 trường trung học phổ thông (THPT) thuộc huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre từ 04/2010 đến tháng 05/2010.

Kết quả nghiên cứu cho thấy: Kiến thức, thực hành về phòng chống HIV/AIDS ở các em khá cao. Có 85,9% học sinh có kiến thức tốt, 83,4% có thực hành tốt, tuy nhiên chỉ có 39,2% học sinh có thái độ tích cực. Việc tiếp cận thông tin về HIV/AIDS ở các em còn hạn chế với 22,9%, 16,1% và 16,6% hoàn toàn không đọc, không nghe cũng như không xem các thông tin về HIV/AIDS trong 4 tuần qua. Kênh truyền thông được các em yêu thích nhất cũng như mong muốn nhận được thông tin về phòng chống HIV/AIDS là tivi/đài, sách báo, tài liệu, thầy cô, hoạt động ngoại khóa.

Nghiên cứu này phân nào phản ánh được thực trạng kiến thức, thái độ, thực hành và nhu cầu tiếp cận thông tin của học sinh THPT huyện Châu Thành. Bên cạnh đó giúp cho các nhà trường, ngành y tế có kế hoạch truyền thông phù hợp nhằm giúp các em cũng cố được kiến thức có được và có cái nhìn tích cực hơn với người nhiễm HIV/AIDS, thông qua đó giúp các em có kiến thức và động lực trong tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS trong cộng đồng.

**Từ khoá:** HIV/AIDS, học sinh phổ thông trung học.

## SUMMARY

The study used descriptive cross-sectional design on 385 students at three schools in Chau Thanh district, Ben Tre Province from 04/2010 to 05/2010.

Results of research show that knowledge and practice on HIV/AIDS in student is high. 85.9% of students have good knowledge, 83.4% with good practice, but only 39.2% of students have positive attitudes. The access to information about HIV/AIDS in student are limited to 22.9%, 16.1% and 16.6% completely read, hear, nor see the information about HIV/AIDS in the 4 the past week. Communication channels are the most popular as they wish to receive information on HIV/AIDS is a TV/radio, books, documents, teachers, extra curricular activities.

This study was partly reflects the current status of knowledge, attitudes, practices and access to information needs of the student high school in Chau Thanh district. Besides helping the schools, the health sector have appropriate communications plan that helps students consolidate the knowledge gained and have a positive outlook than those with HIV/AIDS, thereby helping them have the knowledge and motivation in the propagation of HIV/AIDS in the community.

**Keywords:** HIV / AIDS, high school students.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Diễn biến của dịch HIV/AIDS ngày càng phức tạp, thay đổi theo sự phát triển kinh tế xã hội nhất là sự gia tăng các tệ nạn xã hội: ma túy, mại dâm, thất nghiệp, đời sống tình dục tự do.... Xu hướng trẻ hóa đối tượng ngày càng gia tăng. Cũng như tình hình chung trên thế giới thì độ tuổi nhiễm HIV ở nước ta cũng tập trung trong độ tuổi thanh thiếu niên (TTN) với gần 60% số ca nhiễm tập trung trong nhóm từ 14 đến 29 tuổi [8]. Cho nên, kiến thức về phòng chống HIV đối với TTN và vị thành niên (VTN) là rất quan trọng. Chính vì vậy mà trong luật phòng, chống HIV/AIDS được Quốc hội thông năm 2006 đã qui định rõ tại điều 12 và điều 15 chương II về trách nhiệm của ngành giáo dục trong việc thông tin, giáo dục, truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS trong trường học [1].

Châu Thành là cửa ngõ của tỉnh Bến Tre, Huyện có diện tích 227km<sup>2</sup> và dân số là 162.000 người. Chương trình phòng lây nhiễm HIV/AIDS trên nhóm đối tượng nguy cơ cao như tiêm chích ma túy (TCMT) và phụ nữ mại dâm (PNMD) đã được dự án phòng chống HIV/AIDS ở Việt Nam do ngân hàng Thế giới tài trợ can thiệp. Huyện cũng đã thành lập mạng lưới đồng đẳng viên, cộng tác viên tích cực tuyên truyền trong nhóm này.

Sự lan truyền dịch trên nhóm nguy cơ cao (NCC) tại Châu Thành hiện nay tương đối nghiêm trọng nên việc ưu tiên đặc biệt của các tổ chức y tế trong nước và trên Thế giới là điều dễ hiểu. Tuy nhiên, do dịch đang có xu hướng lan ra cộng đồng nên việc truyền thông trong để nâng cao kiến thức cho người dân cũng rất quan trọng. Châu thành có hơn 2000 học sinh phổ thông trung học (PTTH). Do đó, nếu có kiến thức về phòng chống HIV/AIDS tốt sẽ giúp các em thay đổi hành vi, chấp nhận và thực hành hành vi an toàn để tự phòng tránh lây nhiễm HIV/AIDS cho mình, ở mức độ cao hơn, mỗi học sinh trở thành một tuyên truyền viên tích cực về phòng tránh lây nhiễm HIV cho người thân và cho cộng đồng. Tuy nhiên, ở địa phương thì hiện chưa có nghiên cứu nào ở học sinh được thực hiện liên quan đến vấn đề này.

Để có thể nắm được kiến thức, thái độ, thực hành cũng như nhu cầu tiếp cận các thông tin trong phòng chống HIV/AIDS ở các em, chúng tôi tiến hành khảo sát: "Kiến thức, thái độ, thực hành và nhu cầu tiếp cận các thông tin trong phòng chống HIV/AIDS ở học sinh phổ thông trung học huyện Châu Thành, Bến Tre năm 2010". Kết quả cuộc điều tra này sẽ là cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch truyền thông về phòng chống lây

nhiễm HIV/AIDS cho các em học sinh, nhằm củng cố hoặc tăng cường thêm kiến thức làm cho các em có cái nhìn tích cực hơn với người có HIV/AIDS, thông qua đó giúp các em có kiến thức và động lực trong tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS trong cộng đồng.

### **PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**1. Thiết kế nghiên cứu:** Cắt ngang mô tả

**2. Đối tượng và thời gian nghiên cứu:** Học sinh phổ thông trung học tại 3 trường PTTH huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre từ tháng 4 đến tháng 5 năm 2010.

**3. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

$$3.1. \text{Cỡ mẫu: } N = \frac{Z^2_{1-\alpha/2} p(1-p)}{d^2}$$

Với:  $p = 0,85$  (tỷ lệ kiến thức đúng  $\rightarrow n=196$ );  $p = 0,48$  (tỷ lệ thái độ đạt  $\rightarrow n=384$ );  $p = 0,99$  (tỷ lệ thực hành tốt  $\rightarrow n=16$ );  $\rightarrow n=384$

(Các tỷ lệ  $p$  trên dựa vào nghiên cứu "Thực trạng và các yếu tố liên quan đến KAP PC HIV/AIDS của học sinh THPT huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương năm 2004" của Nguyễn Thành Công).

Để hạn chế trường hợp từ chối tham gia, nghỉ học... Cỡ mẫu được cộng thêm 10%. Vậy cuối cùng cỡ mẫu chọn với nghiên cứu này là 420 học sinh. Qua khảo sát được 385 học sinh.

**3.2. Phương pháp chọn mẫu:**

Cỡ mẫu sẽ được phân tầng theo số học sinh của từng trường sau đó sẽ được phân theo từng khối và từng lớp

Trường THPT Trần Văn Ôn: 176 học sinh được chọn trong tổng số 879 em

Trường THPT Mạc Đĩnh Chi: 110 học sinh được chọn trong tổng số 551 em

Trường THPT Châu Thành B: 134 học sinh được chọn trong tổng số 664 em

Danh sách các lớp được chọn vào điều tra sẽ được thu thập. Ở mỗi lớp, chúng ta sẽ tính được khoảng cách mẫu  $k$  (dựa vào tổng số học sinh của lớp và số học sinh được chọn); bốc thăm ngẫu nhiên 1 học sinh, và với khoảng cách mẫu  $k$  sẽ lần lượt chọn các học sinh còn lại.

**4. Phương pháp và công cụ nghiên cứu:** Phòng vấn gián tiếp qua bộ câu hỏi tự điền.

**5. Kiểm soát sai lệch:** Tập huấn điều tra viên và nghiên cứu thử được tiến hành trước đó cũng phần nào giúp hạn chế sai lệch trong quá trình thu thập thông tin.

Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu được nhập bằng Epi Data 3.02 và phân tích bằng SPSS 16.0

### **KẾT QUẢ**

**1. Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu.**

Tỷ lệ các khối lớp tham gia nghiên cứu là khá tương đồng. Trong tổng số 385 học sinh tham gia thì nữ giới nhiều hơn nam giới (55,3% và 44,7%) và tất cả học sinh là dân tộc Kinh với tuổi trung bình là 17,05. Có đến 95,8% các em sinh sống tại xã, đại đa số các em hiện đang chung sống cùng gia đình và họ hàng (99,7%), chỉ một số nhỏ hiện đang sống cùng bạn bè (0,3%).

**2. Kiến thức về phòng chống HIV/AIDS**

Có 96,4% học sinh biết chính xác HIV là một loài vi-rút, 3,6% hiểu nhầm HIV là vi khuẩn và ký sinh trùng

hoặc không biết. Chỉ có 16,9% học sinh hiểu đúng mọi người đều có thể bị nhiễm HIV, tuy nhiên có đến 82,6% học sinh cho rằng chỉ những đối tượng có nguy cơ cao như GMD hay TCMT mới bị nhiễm HIV. Gần 5% học sinh cho rằng một người nhìn bề ngoài khỏe mạnh thì không thể bị nhiễm HIV. Có 97,7% học sinh hiểu đúng để phát hiện một người nhiễm HIV thì cần phải xét nghiệm máu.

Đa số học sinh hiểu đúng các đường lây truyền HIV cơ bản như QHTD, đường máu và mẹ truyền sang con khi cho con bú với tỷ lệ tương ứng là 100%, 97,9% & 92,4%, nhưng chỉ 46,5% học sinh biết được đường mẹ truyền qua con khi mang thai.

Bên cạnh việc hiểu đúng các đường lây truyền thì một tỷ lệ khá cao học sinh còn hiểu nhầm các đường không lây như muỗi/côn trùng đốt (18,7%), dùng chung nhà vệ sinh công cộng (10,9%), bơi chung (7,3%), ăn uống chung, qua nước bọt hoặc ôm hôn.

Hơn 90% học sinh biết được không dùng chung BKT khi TCMT và sử dụng BCS khi QHTD là những cách phòng tránh lây nhiễm HIV.

Do các em hiểu nhầm đường lây truyền nên cũng có một số các em hiểu nhầm cách phòng tránh như tránh ăn uống chung, không dùng chung nhà VSCC, tránh ôm hôn, tránh bị muỗi đốt với tỷ lệ giảm dần từ 3,4% xuống 1,3%.

Tỷ lệ kiến thức tốt (giỏi) ở các em khá cao (85,9%) và tương đồng ở các khối lớp.

**3. Thái độ về phòng chống HIV/AIDS**

Nhìn chung thái độ của các em về đại dịch HIV cũng như với NCH vẫn chưa được tích cực. Có đến 76,9% học sinh cho rằng đây là một tệ nạn xã hội. Thái độ kỳ thị cũng được thể hiện rõ khi 11,7% và 12,2% học sinh cho rằng NCH là người có hành vi sai trái và họ phải thấy xấu hổ về bản thân; đặc biệt có đến 15,8% học sinh cho rằng cần phải cách ly NCH tại một khu vực riêng biệt. Chỉ có 69,1% học sinh dám mua rau từ người bán hàng bị nhiễm HIV và 80,8% cho phép một giáo viên bị nhiễm nhưng vẫn khỏe mạnh được tiếp tục giảng dạy. Tuy nhiên hầu hết học sinh đều có thái độ tích cực khi được hỏi về tính sẵn sàng xét nghiệm cũng như tham gia tuyên truyền

Khi được hỏi về việc thực hiện một số giao tiếp với người nhiễm hoặc nghi ngờ nhiễm HIV thì việc khuyến khích họ đi xét nghiệm được đề cập nhiều nhất với 93%, trên 80% thì dám ngồi cạnh cũng như bắt tay với họ; hơn 50% dám chăm sóc khi họ bị ốm, dám ăn chung, bơi chung, dùng chung nhà VSCC; 3,6% học sinh không dám làm gì hết.

Nhìn chung các học sinh vẫn còn có cái nhìn hạn chế về căn bệnh này với tỷ lệ 39,2% các em có thái độ tích cực về dịch HIV và NCH.

**4. Thực hành về phòng chống HIV/AIDS**

Có đến 12,7% học sinh đã từng xét nghiệm HIV, trong đó 80% là tự nguyện và 20% là được yêu cầu; chỉ 75,5% được tư vấn trước xét nghiệm và tỷ lệ này còn thấp hơn nhiều đối với việc tư vấn sau xét nghiệm (6,1%).

Vẫn có một tỷ lệ học sinh có ý định dùng thử ma túy (0,8%), tuy nhiên, chưa có trường hợp nào sử dụng ma

túy. Có đến 3,4% học sinh đã từng QHTD trong đó có 76,9% sử dụng BCS trong lần QHTD đầu tiên.

Việc tiếp cận với các thông tin với các thông tin về phòng chống HIV trong 4 tuần qua ở học sinh cũng còn khá hạn chế với tỷ lệ hoàn toàn không nghe, không xem, không đọc thông tin về HIV tương ứng là 16,1%, 16,6% và 22,9%.

Có đến 83,5% học sinh có thực hành tốt về phòng chống HIV, trong đó học sinh khối 10 và khối 11 có tỷ lệ cao hơn so với khối 12. Bên cạnh đó vẫn còn 0,8% học sinh có thực hành trung bình và không có thực hành kém.

## **5. Nhu cầu tiếp cận thông tin trong phòng chống HIV/AIDS**

Các thông tin về HIV do nhà trường cung cấp tập trung vào 3 thông tin là cách phòng tránh, đường lây và đối tượng (97,1%, 95,8% và 86,5%). Các thông tin về điều trị, nơi tư vấn và xét nghiệm HIV được các học sinh ghi nhận với tỷ lệ trên dưới 60%. Có 79,2% học sinh có quan tâm đến pano, áp phích PC HIV. Đa số học sinh đều có mong muốn được duy trì việc cung cấp thông tin về HIV/AIDS trong trường học (96,4%).

Kênh truyền thông được học sinh biết đến nhiều nhất trong việc tiếp cận các thông tin về HIV/AIDS là ti vi/đài, các kênh khác như sách báo/tài liệu, thầy cô, hoạt động ngoại khóa cũng khá phổ biến với tỷ lệ hơn 70%; ít phổ biến hơn là các kênh internet, cán bộ y tế, bố mẹ với tỷ lệ giảm dần từ 64,7% xuống 51,4%.

Kênh truyền thông được học sinh yêu thích nhất là Tivi (27,8%), kế đến là internet (20,5%), sách báo, tài liệu (15,6%), cán bộ y tế (15,1%), hoạt động ngoại khóa (11,9%) và một số các kênh khác.

## **BÀN LUẬN**

### **1. Kiến thức về HIV/AIDS.**

Có đến 96,4% học sinh biết đúng HIV là một loài vi rút. Tỷ lệ này tương đương so với các nghiên cứu như của Nguyễn Văn Công là 95,6% [3], cao hơn nghiên cứu của Vòng Su Văn là 85,7% [7] và nghiên cứu của Nguyễn Huy Du trên HS PTTH huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương năm 2002 là 89% [4].

Chỉ có 16,9% học sinh biết rằng bất kỳ ai cũng có thể bị nhiễm HIV. Trong khi đó, có đến 82,6% học sinh cho rằng chỉ những đối tượng nguy cơ cao như GMD hay TCMT mới có thể bị nhiễm HIV. Điều này rất đáng quan tâm vì sẽ dễ làm cho các em chủ quan với lối sống hiện tại của mình nếu như mình không phải là đối tượng trên.

Kiến thức về 3 đường lây chính thống là khá tốt vì có thể đó là những kiến thức sơ đẳng nhất mà các học sinh được tiếp cận thường xuyên ngay từ khi học ở cấp tiểu học. Có đến 100% học sinh biết đường lây truyền HIV là qua đường QHTD, 97,9% là qua đường máu và trên 90% học sinh biết được là mẹ truyền sang con khi cho con bú, chỉ 46,5% học sinh biết được là trong quá trình người mẹ mang thai. Chúng ta cần lưu ý việc này khi truyền thông các đường lây nhiễm HIV cho các em.

Tuy nhiên bên cạnh đó cũng còn phần lớn học sinh hiểu sai về đường lây nhiễm HIV như 18,7% cho rằng muỗi/còn trùng đốt có thể lây nhiễm HIV, tỷ lệ này cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Văn Công là 10,9% [3],

nghiên cứu của Nguyễn Vũ Thương tại Sóc Trăng là 17,5% [5] nhưng lại thấp hơn nghiên cứu của Nguyễn Thành Công là 43,3% [2]; có đến 10,9% học sinh cho là dùng chung nhà VSCC sẽ lây nhiễm HIV, ăn uống chung cũng được 4,7% học sinh chọn lựa và tỷ lệ này thấp hơn so với các nghiên cứu trên như Nguyễn Vũ Thương là 9,7% [5], Nguyễn Văn Công là 5,1% [3] [7].

Một trong những cách phòng tránh lây nhiễm HIV qua đường tình dục rất đơn giản và có hiệu quả đó là việc sử dụng BCS khi QHTD. Rất đáng mừng là đa số học sinh đều biết (96,1%).

### **Xếp loại kiến thức phòng chống HIV**

Tỷ lệ học sinh có kiến thức đạt (giỏi) khá cao (85,9%), tương đương so với nghiên cứu của Nguyễn Văn Công là 87,3% & 85,9% ở nghiên cứu của Nguyễn Thành Công [2]. Điều này cho thấy công tác giáo dục học sinh về kiến thức phòng chống HIV/AIDS tại huyện Châu Thành là khá tốt cần tiếp tục được duy trì.

### **2. Thái độ về phòng chống HIV/AIDS**

Có đến 99,5% học sinh nhận thức được rằng HIV hiện đang là vấn đề đáng được quan tâm. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có đến 76,9% học sinh cho rằng HIV là một tệ nạn xã hội. Đây có thể là một cản trở lớn để các học sinh có thể đồng cảm và chấp nhận những NCH. Điều này cũng thể hiện rõ khi chỉ có 69,1% học sinh dám mua rau từ người bán hàng có HIV; 80,8% cho phép một giáo viên có HIV nhưng vẫn khỏe mạnh được tiếp tục giảng dạy; chỉ 89,6% là sẵn lòng chăm sóc người thân có HIV và 57,9% đồng ý giữ kín thông tin về HIV cho người thân và tỷ lệ này thấp hơn so với 67,4% ở nghiên cứu của Nguyễn Vũ Thương. Vì xem HIV là một tệ nạn xã hội nên 11,7% học sinh cho rằng NCH là người có hành vi sai trái cũng như 12,2% cho rằng NCH phải thấy xấu hổ về bản thân. Khi xem HIV là một tệ nạn xã hội thì học sinh dễ dàng có những thái độ kỳ thị, phân biệt đối xử với NCH, điển hình như có đến 15,8% học sinh cho rằng nên cách ly NCH một khu vực riêng để có thể dễ dàng quản lý, tỷ lệ này thấp hơn so với 21,3% trong nghiên cứu của Nguyễn Vũ Thương [5]; và có 2,1% học sinh hoàn toàn không quan tâm đến một người bạn bị nhiễm HIV.

Tuy các em chưa có cái nhìn tích cực về những NCH nhưng đa số các em đều thể hiện trách nhiệm hết mình khi trả lời sẵn sàng tham gia tuyên truyền PC HIV/AIDS trong trường học cũng như tại địa phương (97,9%). Đây sẽ là lực lượng hỗ trợ đắc lực trong công tác PC HIV/AIDS nếu như các học sinh được trang bị những kiến thức đúng để các em có thể có cái nhìn tích cực hơn đối với HIV/AIDS. Bên cạnh đó cũng có đến 97,7% học sinh đều đồng ý sẵn sàng xét nghiệm HIV khi cần thiết.

Thái độ trong phòng chống HIV/AIDS ở học sinh trung học huyện Châu Thành cũng còn hạn chế, chỉ có 39,2% học sinh có thái độ tích cực (giỏi) trong và tỷ lệ này tương đương nhau ở các khối. Tỷ lệ các em có thái độ tích cực trong nghiên cứu này còn rất thấp so với các nghiên cứu khác như của Nguyễn Thành Công là 48,4%, của Nguyễn Huy Du là 67%; tuy nhiên cũng tương đương so với nghiên cứu điều tra các chỉ tiêu dân số và AIDS năm 2006 [2].

#### 4. Thực hành về phòng chống HIV

Tỷ lệ học sinh từng xét nghiệm HIV khá cao (12,7%) trong khi ở nghiên cứu của Nguyễn Thành Công là 4,5% [6]. Điều này cho thấy có thể các học sinh đã tự nhận thức được nguy cơ nhiễm HIV của bản thân khi các em đã có những hành vi không an toàn như trong QHTD, TCMT. Việc này cũng thể hiện rõ khi đa số học sinh (80%) là tự nguyện đi xét nghiệm trong khi có 20% là bắt buộc.

Có đến 0,8% học sinh có ý định dùng thử ma túy nhưng đều đáng mừng là chưa có học sinh nào sử dụng. Tuy nhiên, đây chỉ là hành vi tự khai báo cũng có thể đây là tệ nạn xã hội nên một số em có thể không dám khai thật dù đã có TCMT. Nghiên cứu của Nguyễn Vũ Thương cũng cho thấy điều này khi chỉ 1% học sinh khai rằng đã từng sử dụng MT nhưng khi xét nghiệm nước tiểu thì cho kết quả dương tính với MT tỷ lệ là 2,3% [5].

Tỷ lệ sử dụng BCS trong lần QHTD đầu tiên cũng như lần gần đây nhất khá cao 76,9%. Cũng như việc sử dụng ma túy thì hành vi QHTD ở lứa tuổi này cũng bị gia đình và xã hội cho là trái với đạo đức nên số liệu thực tế có thể cao hơn. Mặc dù số lượng không nhiều nhưng hiện tượng QHTD trong độ tuổi này lưu ý các bậc cha mẹ và nhà trường nên chú trọng quan tâm đến giáo dục giới tính cho các em.

##### Xếp loại thực hành phòng chống HIV/AIDS

Hơn 80% học sinh có thực hành tốt về PC HIV. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Văn Công là 70,3% [3] và thấp hơn rất nhiều so với nghiên cứu của Nguyễn Thành Công là 99,2% [2]. Do đó cần cung cấp kiến thức nhiều hơn nữa cho các em học sinh để các em thực hành tốt hơn về phòng lây nhiễm HIV/AIDS.

#### 5. Các đặc tính về tiếp cận thông tin và nhu cầu tiếp cận thông tin

Các thông tin về HIV/AIDS do nhà trường cung cấp mà các em nhớ được chủ yếu là các thông tin về đối tượng (85,9%), đường lây (95,8%), cách phòng tránh (97,1%). Các thông tin khác tuy nhà trường có thể đã cung cấp nhưng do hình thức trình bày hoặc do các em không quan tâm nên các em lựa chọn với tỷ lệ thấp hơn là thông tin về điều trị (53,2%), nơi tư vấn (58,2%), nơi xét nghiệm (56,9%). Do đó, nhu cầu của các em có thể được nhà trường bổ sung trong các khóa học tiếp theo.

Chỉ có 82,6% các em chủ động tự tìm hiểu các thông tin về HIV, điều này cũng có thể ảnh hưởng đến chất lượng thông tin mà các em nắm bắt được. Vì vì/Đài là phương tiện truyền thông đại chúng phổ biến nhất nên là kênh truyền thông được nhiều em nhận thông tin về PC HIV/AIDS (94,5%), kể đến là sách báo, tài liệu, thầy cô. Kênh truyền thông yêu thích nhất cũng là ti vi, hoạt động ngoại khóa cũng được các em yêu thích, do đó khi truyền thông cũng chú ý hoạt động này.

#### KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Kiến thức và thực hành khá tốt nhưng thái độ về việc PC HIV/AIDS vẫn chưa được cao trong học sinh

THPT huyện Châu Thành. Bên cạnh đó, viện tiếp nhận thông tin về phòng chống HIV/AIDS của các em vẫn còn khá nhiều khó khăn, do hiểu sai về cách lây truyền HIV/AIDS dẫn đến vẫn còn có nhiều học sinh chưa hiểu đúng về cách phòng tránh như tránh ăn uống chung, không dùng chung nhà VSCC, tránh ôm hôn, tránh bị muỗi đốt... Ngoài ra, các nguồn cung cấp thông tin về phòng chống HIV/AIDS cho các em học sinh vẫn còn rất hạn chế, chủ yếu qua tivi, báo đài còn về phần cha mẹ thì lại thấp. Đây là điều đáng lưu ý trong công tác truyền thông trong ngành y tế cũng như các trường học.

Trong công tác dạy học, mỗi giáo viên trong các Nhà trường cần khéo léo tích hợp các vấn đề về phòng chống HIV/AIDS vào bài học của học sinh, đặc biệt trong các môn như Sinh học, Giáo dục công dân... với sự hỗ trợ từ các nhân viên y tế. Các kiến thức này không khô cứng, giáo điều mà chủ yếu liên hệ thực tế đời sống, giúp học sinh có hứng thú trong mỗi tiết học. Mặt khác, trong thời đại bùng nổ thông tin, mỗi giáo viên cần chú trọng định hướng cho việc tự tiếp thu thông tin của học sinh từ nhiều nguồn bên ngoài, như giáo viên giới thiệu các trang web hay, các bộ phim truyền hình hay về phòng chống HIV/AIDS. Bên cạnh đó, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa phụ huynh học sinh, công an và các đoàn thể xã hội khác để từng bước đẩy lùi các tệ nạn xã hội ra khỏi trường học.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Y tế & Vụ pháp chế (2007), *Luật Phòng chống HIV/AIDS và nghị định số 108/2007/NĐ-CP hướng dẫn thi hành luật Phòng chống HIV/AIDS*.
2. Nguyễn Thành Công (2005), Thực trạng và các yếu tố liên quan đến kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống HIV/AIDS của học sinh trung học phổ thông huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương năm 2004.
3. Nguyễn Văn Công (2006), Nghiên cứu về KAP và nhu cầu thông tin trong phòng chống HIV/AIDS của học sinh trường trung học phổ thông thị trấn Yên Viên.
4. Nguyễn Huy Du (2002), Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng tránh nhiễm HIV/AIDS của học sinh trường trung học phổ thông huyện Nam Sách, Hải Dương.
5. Nguyễn Vũ Thương, Trần Phúc Hậu, Khuu Văn Nghĩa, Trương Hoài Phong, Nguyễn Phương ánh, Nguyễn Duy Phúc & Nguyễn Thị Kim Tiến (2005), Hiểu biết của học sinh sinh viên về ma túy, HIV/STI và các hành vi có liên quan tại một tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
6. Tổng cục Thống kê, Bộ Y tế, Tổ chức Y tế Thế giới & UNICEF (2005), *Điều tra quốc gia về vị thành niên và thanh niên Việt Nam*, Hà Nội.
7. Vông Su Văn (2005), Kiến thức, thái độ, thực hành phòng chống nhiễm HIV/AIDS của học sinh trường THPT Kim Liên quận Đống Đa, Hà Nội.
8. UNICEF, UNAIDS & WHO (2002), *Young people and HIV/AIDS opportunity in crisis*.
9. Yotebieng, M., Halpern, C. T., Mitchell, E. M. & Adimora, A. A. (2009), Correlates of condom use among sexually experienced secondary-school male students in Nairobi, Kenya, *SAHARA J*, 6(1), pp. 9-16.
10. UNAIDS (2010), *AIDS epidemic update December 2009*.